

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/05/2025.

V/v *Tranh chấp ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG - TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Đỗ Quốc Kỳ;

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Đạt - Thư ký Tòa án;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/04/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/05/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 2003 (*Vắng mặt có lý do*);

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm: 1985 (*Vắng mặt không có lý do*);

Cùng cư trú tại: Xóm Khuận, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại phiên tòa ngày hôm nay theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

* *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi có kết hôn với anh Bùi Văn D, sinh năm 1985, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, ngày 18/03/2021. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì chúng tôi bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do tính cách hai bên không hòa hợp, anh D thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần say rượu anh D còn chửi bới lăng mạ và xúc phạm tôi, thậm chí có lần anh D còn hành hung và đánh đập tôi. Vợ chồng tôi có ngồi nói chuyện để cùng nhau hàn gắn tình cảm và tôi cũng đã tha thứ cho anh D rất nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân rạn nứt cũng không thể hàn gắn được nữa. Tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn D.

* *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 (Một) con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 20/11/2020. Hiện cháu T đang sinh sống cùng anh D sức khỏe tốt. Khi tôi chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh D không cho tôi đón con đi cùng nên khi ly hôn tôi sẽ để anh D nuôi dưỡng cháu T để tiện việc học hành của cháu. Tôi là mẹ đẻ cháu T nên sau khi ly hôn, hàng tháng tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên về vấn đề này tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Bùi Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng “Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa” nhưng không có kết quả, anh D vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

2. *Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại Công an xã Nam Phong, chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình anh Bùi Văn D với nội dung:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, ngày 18/03/2021. Sau một thời gian chung sống cùng nhau thì vợ chồng chị H, anh D phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh D vẫn sinh sống và làm công việc lái xe tại địa phương, thu nhập bình quân được khoảng 7.000.000đ đến 8.000.000đ/1 tháng, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Chị H vẫn thường xuyên gửi tiền về để chăm lo cho con cái và qua lại nhà chồng để thăm con và bố mẹ anh D.

Chị H và anh D có 01 (Một) con chung tên là Bùi Anh T, sinh ngày 20/11/2020. Hiện cháu T đang sinh sống cùng anh D, sức khỏe tốt. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 (Mười tám) tuổi.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

* *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

* *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn D.

* *Về con chung*: Vợ chồng chị H, anh D có 01 (Một) con chung tên là Bùi Anh T, sinh ngày 20/11/2020. Theo nguyện vọng của chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Anh T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 (Mười tám) tuổi.

* *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày hay ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị H xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Bùi Văn D là vụ án dân sự tranh chấp “*Ly hôn*” căn cứ vào giấy xác nhận thông tin về cư trú, anh D có nơi cư trú tại xóm Khuận, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 05/05/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (*Có mặt*), bị đơn anh Bùi Văn D vắng mặt không có lý do (*Vắng mặt lần thứ nhất*) nên Hội đồng xét xử hoãn xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*) bị đơn anh Bùi Văn D, vắng mặt không có lý do (*Vắng mặt lần thứ 2*). Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 18/03/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị H cho thấy, quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị sống ly thân vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 39 Luật dân sự.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh D có 01 (Một) con chung tên là Bùi Anh T, sinh ngày 20/11/2020. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao

cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/11/2020 cho anh Bùi Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 (*Mười tám*) tuổi.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày hay ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về công nợ chung: Chị H xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/11/2020 cho anh Bùi Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 (*Mười tám*) tuổi.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày hay ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002992 ngày 08/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, chị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Thịnh